*Ngày soạn: 07/11/2024*

*Ngày giảng: 11, 15, 18/11/2024*

**Tiết 11 + 12 + 13 – *Bài 7***

**AI CẬP VÀ LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**- *Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu lịch sử: Trình bày được quá trình quá trình hình thành nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà và những thành tựu văn hoá chủ yếu.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Những phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà thời cổ đại mà ngày nay con người vẫn đang được thừa hưởng.

2. Phẩm chất: Trân trọng những di sản của nền văn minh Ai Cập và Lưỡng để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

* Phiếu học tập.
* Lược đổ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại phóng to.
* Video về một số nội dung trong bài học.

- Máy tính, tivi, bài powerpoint.

**2. Học sinh:**

- Tranh ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *(1 phút/tiết)*

**2. Kiểm tra:** *(3 phút/tiết)*

- Tiết 1: Lồng ghép trong bài

- Tiết 2: Trình bày được điều kiện nổi bật của Ai Cập và Lưỡng Hà.

- Tiết 3: Nêu hành trình lập quốc của người Ai Cập và Lưỡng Hà.

**3. Bài mới:** *(40 phút/tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(2 phút/tiết)*** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + SGK đưa ra hai hình ảnh (hình 1 và 2) vế chữ viết của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. - **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu  - **Bước 4: Kết luận, nhận định** | HS suy nghĩ, trả lời |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI *(26 phút/tiết)***  **Mục tiêu**:  - HS rút ra được sự tác động của điều kiện tự nhiên tới sự hình thành nền văn minh.  - HS nêu được quá trình hình thành nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà. HS hiểu được vể bản chất nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.  - HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại và hiểu được giá trị của các thành tựu đó với cả ngày nay. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV cho HS quan sát *Lược đồ các quốc gia cổ đại ở Ai Cập và Lưỡng Hà* để xác định vị trí hai khu vực hình thành nên các quốc gia cổ đại đầu tiên trên thế giới trên bản đồ; có thể liên hệ mở rộng: Những quốc gia nào ngày nay thuộc Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. GV có thể đưa ra câu hỏi gợi ý để HS nêu được một trong những đặc điểm nổi bật của hai nền văn minh này: được hình thành ở lưu vực của các dòng sông lớn (sông Nin, sông Ti-gơ-rơ và sông ơ-pho-rát). Từ đó, GV đi đến kết luận: Ai Cập và Lưỡng Hà là tặng phẩm của những dòng sông.   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * GV hướng dân HS khai thác hai đoạn tư liệu (tr. 30, SGK) và chỉ ra những điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.   + Về Ai Cập, GV có thể gợi ý HS đọc kĩ tư liệu, xác định các từ khoá để trả lời câu hỏi. Hướng dẫn HS đọc thêm thông tin của phần *Em có biết* để lí giải được: *Tại sao sông Nin biến Ai Cập từ một “đồng cát bụi” trở thành “một vườn hoa”?* GV có thể giải thích: Vì nước sông Nin lên xuống theo mùa: mùa khô là mùa cạn và mùa mưa nước dâng cao. Vào mùa khô, khi nước cạn, cát sa mạc (vùng Mem-phít, nơi có nhiều kim tự tháp là vùng cát sa mạc) và đất phù sa pha cát bị gió cuốn lên thành một “đồng cát bụi”. Khi mùa mưa đến và cũng là mùa hè, cây cối thay nhau đâm hoa kết trái, là mùa thu hoạch lúa chín trông như “một vườn hoa”. Đây cũng chính là gợi ý cho nhận định của Hê-rô-đốt: Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin.  *+ về Lưỡng Hà,* GV hướng dẫn HS dựa vào tư liệu và chỉ ra những từ/cụm từ thể hiện vai trò của của hai con sông: *mang phù sa màu mõ bồi đắp, biến cửa sông thành đổng bằng,...* Sau đó, nêu được các ý: hai con sông bồi đắp phù sa (chỉ cần công cụ gỗ, đá cũng có thể trồng cấy được); cung cấp nước tưới (rất dối dào, nhưng lại theo mùa lũ nên phải làm thuỷ lợi, kênh, mương tưới tiêu,...); đường giao thương buôn bán (sông là đường giao thông chính).  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  + GV gợi ý để HS phân tích được vai trò của các dòng sông dõi với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại. Sau đó, GV có thể chốt lại kiến thức theo gợi ý ở mục III.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  + GV có thể mở rộng thêm cho HS về vai trò là đường giao thông chính của các dòng sông ở Ai Cập và Lưỡng Hà bằng việc tổ chức cho HS kề một số cầu chuyện mà các em đã từng đọc trong truyện cổ tích *Nghìn lẻ một đêm (A-la-đanh và cây đèn thần, Thuỷ thủ Sin-ba, A-li-ba-ba và bốn mươi tên cướp,...).* Nếu HS không kể được thì GV có thể kể khái lược cho HS nghe, sau đó khuyến khích HS về nhà tự tìm đọc.  GV cho HS quan sát hình 4. *Người Ai Cập cổ đại canh tác nông nghiệp (tranh vẽ),* thảo luận và chỉ ra: *Cho biết điều gì vế sản xuất nông nghiệp của người Ai Cập cổ đại?* | **1. Tặng phẩm của những dòng sông**  - Ai Cập và vùng Lưỡng Hà là nằm ở lưu vực các dòng sông lớn (sông Nin, ơ-pho-rát và Ti-gơ-rơ).  - Sự tác động của điều kiện tự nhiên tới sự hình thành nền văn minh được thể hiện chủ yếu sau đây:  + Do đất đai màu màu mỡ, dễ canh tác,... kinh tế nông nghiệp phát triển sớm, năng suất cao, sớm tạo ra của cải dư thừa. Do đó, nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà hình thành sớm, cả khi chưa có đồ sắt.  + Do nhu cầu hợp tác làm thuỷ lợi, chinh phục các dòng sông,... cư dân đã sớm liên kết thành các công xã, tạo điếu kiện cho nhà nước ra đời sớm.  + Do nhu cầu chinh phục các dòng sông, phát triển kinh tế,... nên người Ai Cập và Lưỡng Hà có nhiều phát minh quan trọng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (phát minh ra cái cày, bánh xe, phát triển thiên văn học, chinh phục các dòng sông,...). |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV cho HS đọc nhanh nội dung chính và quan sát trục thời gian (tr.29) để lập bảng niên biểu các giai đoạn, một số vương quốc và vương triều chính ở Ai Cập và Lưỡng Hà.   - GV gợi ý các câu hỏi gợi mở:  *quá trình hình thành nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận**  - GV có thể giới thiệu về mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế ở đây: là nhà nước do vua đứng đầu (gọi là pha-ra-ông - kẻ ngự trị trong cung điện (Ai Cập), hoặc là en-xi - người đứng đầu (Lưỡng Hà)); vua là con của các thần, có toàn quyền (pha-ra-ông là con của thần Ra - thẩn Mặt Trời, en-xi cũng do thẩn Ma-đắc - thần Mặt Trời trao cho sứ mệnh thống trị thiên hạ).  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **2. Hành trình lập quốc của người Ai Cập và Lưỡng Hà.**  - Năm 3200 TCN, ông vua Mê-nét thống nhất Ai Cập. Từ đó, Ai Cập trải qua các giai đoạn: Tảo kì vương quốc, Cổ vương quốc, Trung vương quốc, Tân vương quốc và Hậu kì vương quốc, đến thế kỉ I TCN thì bị La Mã xâm chiếm và thống trị.  - Ở Lưỡng Hà, người Xu-me, Ác-cát, Át-xi-ri, Ba-bi-lon,... đã thành lập vương triều và thay nhau làm chủ vùng đất này đến khi bị Ba Tư xâm lược.  - Các pha-ra-ông (Ai Cập) và en-xi (Lưỡng Hà) đứng đầu đất nước và có toàn quyền nên chế độ chính trị là nhà nước quân chủ chuyên chế. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khai thác nội dung kênh chữ, kết hợp quan sát hình, thảo luận để trả lời câu hỏi: *Người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại đã có những phát minh quan trọng nào?* Đại diện các nhóm HS lẩn lượt giới thiệu phát minh theo các lĩnh vực.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.  Để làm cho HS hứng thú hơn với các thành tựu của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, GV gợi ý HS liên hệ với ngày nay trả lời câu hỏi: *Bánh xe do người Lưỡng Hà phát minh ra hiện nay được ứng dụng trong những lĩnh vực nào?* (Làm bánh xe ô tô, xe máy,...). *Em biết từ “paper” (giấy viết trong tiếng Anh) có nguồn gốc từ từ nào không?,...*  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**   * GV khi cho HS khai thác nội dung vê' các công trình kiến trúc nổi tiếng - kì quan của thế giới cổ đại, cần có sự phân tích kĩ hơn về quy mô, kĩ thuật của vườn treo Ba-bi-lon và kim tự tháp Ai Cập. GV có thê cho HS đọc phần *Em có biết* đê thấy được sự hoành tráng, đổ sộ của công trình, trình độ điêu luyện của người Ai Cập cổ đại.   HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại và hiểu được giá trị của các thành tựu đó với cả ngày nay.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **3. Những thành tựu văn hoá chủ yếu.**  Một số thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nến văn minh nhân loại của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại: văn tự - chữ viết (chữ tượng hình của Ai Cập, chữ hình nêm của Lưỡng Hà), toán học (hệ đếm thập phân, chữ sổ 1 đến 9 của Ai Cập, hệ đếm 60 của Lưỡng Hà,...), thiên văn học (làm lịch), y học (thuật ướp xác), kiến trúc (kim tự tháp, vườn treo Ba-bi-lon với kĩ thuật xây dựng và chế tác đá tinh xảo),... |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP *(4 phút//tiết)***  **Mục tiêu**: HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về **Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.  *+ Câu 1. Từ các hình ảnh thông tin ở mục 3, em ấn tượng nhất với thành tựu văn hóa nào của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?*  *+ Câu 2. Em hãy nêu một số vận dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát inh của người Ai Cập và Lưỡng hà cổ đại?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu 1 và câu 2.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS. | *Câu 1. Từ các hình ảnh thông tin ở mục 3, em ấn tượng nhất với thành tựu văn hóa nào của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?*   * Em ấn tượng nhất cách viết chữ số của người Ai Cập cổ đại. Vì họ dùng que nhọn vạch trên cát, một vạch là số 1,2 vạch là số 2,... cho đến số 9. Vì chưa có chữ số 0 nên đến 10 thì dùng một đoạn dây thừng uốn vòng cung, đến 100 thì cuộn đoạn dây thừng lại, 1 000 thì bẻ một nhành cây có lá cắm xuống cát,... Cho đến 1 000 000 thì vẽ một người giơ hai tay lên trời (tỏ sự ngạc nhiên - ôi trời! sao nhiều thế). Họ cộng bằng cách thêm các vạch hay cuộn dây vào, trừ bằng cách xoá bớt đi,... và cuối cùng đếm lại xem kết quả được bao nhiêu.   *Câu 2. Em hãy nêu một số vận dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát inh của người Ai Cập và Lưỡng hà cổ đại?*  hiện nay chúng ta đang kế thừa những gì, từ đó HS có thể trả lời cho câu hỏi này (bánh xe, cái cày, hệ đếm thập phân và chữ số của người Ai Cập, hệ đếm 60 của người Lưỡng Hà,...) |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG *(3 phút/tiết)***  **Mục tiêu**: Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS chia nhóm về nhà hoàn thành câu 3: *Dựa vào chữ số của người Ai Cập cổ đại dưới đây, em hãy làm các phép tính sau: 124+321=? Và 1565-1243=? Theo cách viết của họ.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày với giáo viên vào tiết học sau.  - Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dành ít phút đầu giờ buổi học sau để nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | Dựa vào gợi ý về cách viết chữ số của người Ai Cập (Mục V. *Tài liệu tham khảo)* để thực hiện. |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài:** *(1 phút/tiết)*

- Hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ giáo viên giao.

- Chuẩn bị bài 8: ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI.

*Ngày soạn: 18/11/2024*

*Ngày giảng:22, 25, 29/11/2024*

**Tiết 14 + 15 + 16 – *Bài 8:* ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**- *Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu lịch sử: Trình bày được điếu kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng. + Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu và giải thích được chế độ Vacna ở Ấn Độ

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nhận thức được giá trị của hệ thống 10 chữa số mà người Ấn Độ cổ đại phát minh ra và sự ra đời của số 0.

**2. Phẩm chất:** Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Phiếu học tập.

- Lược đổ Ấn Độ cổ đại phóng to, lược đồ Ấn Độ ngày nay.

* Video về một số nội dung trong bài học.

- Máy tính, tivi, bài powerpoit

**2. Học sinh:**

- Tranh ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *(1 phút/tiết)*

**2. Kiểm tra:** *(3 phút/tiết)*

- Tiết 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của người Ai Cập và Lưỡng Hà.

- Tiết 2: Trình bày điều kiện tự nhiên ở Ấn Độ

- Tiết 3: Trình bày chế độ xã hội cổ đại ở Ấn Độ.

**3. Bài mới:** *(40 phút/tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(2 phút/tiết)*** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + SGK đưa ra hai hình ảnh hình 1 *Em có biết vì sao lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân Ấn Độ tham gia?*  - **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Lễ hội này có nguồn gốc từ xa xưa, cho đến ngày nay vẫn được duy trì và là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Vậy, sông Hằng và sông Ấn - những con sông lớn nhất Ấn Độ, đã có vai trò như thế nào trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Nền văn minh đó đã để lại những di sản gì cho nhân loại? | HS suy nghĩ, trả lời |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI *(26 phút/tiết)***  **Mục tiêu**:  - HS rút ra được sự tác động của điều kiện tự nhiên tới sự hình thành nền văn minh.  - HS nêu Chế độ xã hội ở Ấn Độ  - HS kể được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV cho HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK, yêu cầu HS mô tả vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại.   + Sau đó, có thể cho HS kết hợp quan sát lược đồ An Độ ngày nay để xác định được lãnh thổ Ấn Độ cổ đại bao gồm những quốc gia nào hiện nay.  HS biết kết hợp, giới thiệu vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại trên lược đồ. Từ đó xác định được tên các quốc gia hiện nay tương ứng với lãnh thổ Ân Độ thời cổ đại: Ân Độ, Băng-la-đét, Nê-pan, Bu-tan, Pa-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc SGK, thảo luận theo cặp đôi để trả lời câu hỏi trong Phiếu học tập: *Hãy cho biết nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ở Ấn Độ.*  - HS không chỉ nêu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên mà còn phân tích được tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: Điểu kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?  HS cần huy động kiến thức đã học trước đó về Ai Cập và Lưỡng Hà để phân tích, so sánh điều kiện tự nhiên với Ân Độ, từ đó rút ra điểm giống và khác nhau  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **1. Điều kiện tự nhiên**  Vị trí địa lí: là bán đảo ở Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biển từ Tây sang Đông. Phía bắc được bao bọc bởi dãy Hi-ma-lay-a - một vòng cung khổng lồ.   * Địa hình:   + Ấn Độ có đồng bằng sông Ấn, sông Hằng lớn vào loại bậc nhất thế giới, được phù sa màu mỡ của hai con sông này bồi tụ.  + Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can với núi đá hiểm trở, đất đai khô cằn.  + Vùng cực Nam và dọc hai bờ ven biền là những đống bằng nhỏ hẹp.  Khí hậu: Lưu vực sông Ấn khí hậu khô nóng, ít mưa. ơ lưu vực sông Hằng có gió mùa nên lượng mưa nhiều. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS khai thác thông tin trong SGK quan sát sơ đồ hình 3 và trả lời câu hỏi: *Nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Để gợi ý cho HS trả lời câu hỏi trên, GV có thể đưa ra các câu hỏi: *Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì? Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp này như thế nào? Em có nhận xét gì vê sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na?*  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận**  - HS hiểu và trả lời được chế độ đẳng cấp Vác-na là gì chính là trả lời cho câu hỏi về điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV sử dụng nội dung phần *Kết nối với văn hoá* để nhấn mạnh, mở rộng khi giải thích vê' chế độ đẳng cấp Vác-na.  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại**  - Người Đra-vi-đa: được biết đến là chủ nhân của nền văn minh ven bờ sông Ấn - nền văn minh cổ xưa nhất ở Ân Độ. Ngày nay, họ là những tộc người thiểu số cư trú ở miền Nam bán đảo Ấn Độ.  Sự xâm nhập của người A-ri-a vào miền Bắc Ân, mở ra thời kì chuyển biến sang xã hội có giai cấp và nhà nước. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na, chia xã hội ẤnĐộ thành bốn đẳng cấp dựa trên sự khác biệt vế tộc người và màu da, mỗi đẳng cấp có bổn phận, nghĩa vụ khác nhau. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khai thác nội dung SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên các thảnh tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.*  *Em ấn tượng nhất với di sản nào của nến văn minh Ấn Độ cổ đại? Vì sao?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS sáng tạo cách thức trả lời như sơ đồ hoá, lập bảng hệ thống,...  - HS kể được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS báo cáo kết quả, một số HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **3. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu.**  - Nền văn minh Ấn Độ cổ đại có nhiều thành tựu rực rỡ trên nhiếu lĩnh vực, đóng góp lớn cho nền văn minh nhân loại:  - Chữ viết: Nhiều loại chữ cổ, trong đó chữ phạn có ảnh hưởng rất lớn đến Ấn Độ và Đông Nam Á sau này.  - Văn học: Hai bộ sử thi vĩ đại có sức ảnh hưởng lớn đó là *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na.*  - Tôn giáo: Ra đời nhiều tôn giáo lớn như đạo Bà La Môn, đạo Phật.  - Kiến trúc: Tiêu biểu là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.  - Lịch pháp: Làm ra lịch.  - Toán học: Tạo ra hệ số có 10 chữ số, đặc biệt có giá trị là chữ số 0. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP *(4 phút//tiết)***  **Mục tiêu**: HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về **Ấn Độ cổ đại.** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.  *+ Câu 1.* Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện?  + Làm các bài trong vở bài tập.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu 1 và câu 2.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS. | *Câu 1.* Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện?  + Vì sao gọi là Vác-na.  + Nguồn gốc của chế độ Vác-na.  + Nội dung biểu hiện: Xã hội bất bình đẳng, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của các đẳng cấp thê’ hiện sự phân biệt, áp bức khắc nghiệt. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG *(3 phút/tiết)***  **Mục tiêu**: Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành câu 2: *Thành tựu nào của người Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn cho đến ngày nay?*  *- Làm các bài tập trong vở bài tập.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày với giáo viên vào tiết học sau.  - Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dành ít phút đầu giờ buổi học sau để nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | Phát minh ra số 0 - con số nhiều quyền lực nhất lịch sử |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài:** *(1 phút/tiết)*

- Hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ giáo viên giao.

- Chuẩn bị bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.

*Ngày soạn: 29/11/2024*

*Ngày giảng: 02,06/12/2024*

**Tiết 17 + 18 – *Bài 9***

**TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**- *Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu lịch sử: Trình bày được điếu kiện tự nhiên của Trung Quốc, Trung Quốc dưới các triều đại Tần, Hán.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu và giải thích tại sao nhà Tần lại thống nhất được Trung Quốc.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nhận thức được giá trị của văn minh Trung Quốc.

**2. Phẩm chất:** Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Phiếu học tập.

- Lược đổ Ấn Độ cổ đại phóng to, lược đồ Ấn Độ ngày nay.

* Video về một số nội dung trong bài học.

- Máy tính, tivi, bài powerpoit

**2. Học sinh:**

- Tranh ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *(1 phút/tiết)*

**2. Kiểm tra:** *(3 phút/tiết)*

- Tiết 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của người Ấn Độ.

- Tiết 2: Nhà Tần xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc như thế nào?

**3. Bài mới:** *(40 phút/tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(2 phút/tiết)*** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV có thể cho HS quan sát hình 1 (tr.39) để trả lời câu hỏi: *Em có biết người Trung Quốc tạo ra vật này để làm gì không? Vê' sau, nó được kế thừa và ứng dụng trong lĩnh vực nào?* Sau khi HS trả lời (có thể đúng, có thể sai), trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài mới như trong SGK.   - **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Từ thờii xa xưa người TQ đã chế tạo ra la bàn để xác định phương hướng. Học còn là chủ nhân của nhiều nền văn minh phát triển với nhiều thành tựu mà cho đến ngày nay nhân loại vẫn đang được thừa hưởng. Vậy, điều kiện nào đã giúp người TQ cổ đại tạo dựng được nền văn minh rực rỡ như thế? Những giá trị to lớn mà học truyền lại đến ngày nay là gì? Cô trò chúng ta sẽ đi tìm hiểu về **Trung Quốc từ thời cổ đại đến thê kỉ VII.** | HS suy nghĩ, trả lời |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI *(26 phút/tiết)***  **Mục tiêu**:  - HS rút ra được sự tác động của điều kiện tự nhiên tới sự hình thành nền văn minh.  - HS nắm được nhà Tần đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến.  - HS nắm được sự thay đổi các triều đại cai trị ở Trung Quốc từ Hán đến Tuỳ  - HS kể được một số thành tựu văn minh tiêu biểu của người Trung Quốc, đồng thời hiểu được giá trị của những thành tựu đó đối với ngày nay.. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  GV cho HS xác định trên lược đồ hình 2 (tr.40) hai con sông Hoàng Hà và Trường Giang, kết hợp đọc thông tin ở phần *Kết nối với địa lí* để trả lời câu hỏi: *Theo em, sông Hoàng Hà và Trường Giang đã tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS nêu được đây là hai con sông lớn, phù sa của nó đã bồi tụ nên các đổng bằng rộng lớn, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Người Trung Hoa đã xây dựng nền văn minh đầu tiên ở đầy. Tuy nhiên, lũ lụt của hai con sông củng gây ra rất nhiều khó khăn cho cuộc sống và cướp đi sinh mạng của rất nhiều người dân.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo  **Bước 4. Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | 1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  - Lãnh thổ Trung Quốc thời cổ đại nhỏ hơn so với lãnh thổ hiện nay.  - Hoàng Hà và Trường Giang bồi tụ nên đồng bằng Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam rộng lớn, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhưng cũng gây ra nhiều thiên tai như lũ lụt,...  - Thượng nguồn là vùng đất cao, có nhiều đổng cỏ thích hợp cho việc chăn nuôi. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV dẫn dắt: Đến thế kỉ III TCN, nước Tần có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất, lần lượt tiêu diệt các nước nhỏ khác, chấm dứt tình trạng chia cắt, thống nhất lãnh thổ vào năm 221 TCN.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV có thê’ mở rộng cho HS quan sát lược đồ hình 2 (tr.40) đê’ trả lời câu hỏi: *Hãy so sánh lãnh thổ Trung Quốc thời nhà Tần và lãnh thổ Trung Quốc hiện nay.*  - HS biết được lãnh thổ Trung Quốc thời nhà Tần nhỏ hơn so với ngày nay. Lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn như ngày nay là kết quả của quá trình mở rộng trải qua nhiều triều đại.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**   * GV có thể kể thêm một số câu chuyện hoặc cung cấp tư liệu về chính sách cai trị của Tan Thuỷ Hoàng. Từ đó, kết hợp cho HS khai thác nội dung SGK, trả lời câu hỏi: *Em nhận xét thế nào về chính sách cai trị của Tần Thuỷ Hoàng? Nhà Tẩn đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc như thế nào?*   + GV khuyến khích HS có những ý kiến nhận xét khác SGK.  **Bước 4. Kết luận, nhận định.**  Thông qua việc trình bày được nhà Tần đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến thể hiện qua một số nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Trung Quốc dưới thời Tẩn Thuỷ Hoàng, HS hiểu và nhận xét được chính sách cai trị của ông bao gồm tích cực (đã thực hiện nhiều biện pháp đề thiết lập bộ máy nhà nước, củng cố đất nước như thống nhất chế độ đo lường, tiền tệ, chữ viết, pháp luật,...) và hạn chế (thích dùng hình phạt hà khắc để cai trị nhân dân). | **2. Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc.**  - Sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ của nhà Tần và xác lập triếu đại phong kiến đầu tiên vào năm 221 TCN.  - Những biện pháp thống nhất đất nước của nhà Tần.  - Những giai cấp mới trong xã hội phong kiến được hình thành dưới thời nhà lấn. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS theo dõi trục thời gian (tr.39) và hoàn thành vào Phiếu học tập các mốc chính từ đế chế Hán đến Tuỳ (Phiếu học tập có thể kẻ một đường thời gian thể hiện xen kẽ cả mốc thời gian, sự kiện, còn lại HS tự điền).  - GV có thể mở rộng thêm câu hỏi: *Các triều đại Trung Quốc đã thực hiện chính sách gì để mở rộng lãnh thổ?* (Liên tiếp mở những cuộc chiến tranh xâm lược các nước láng giềng). *Em có thể kể một số triều đại Trung Quốc xâm lược nước ta không? Nhà Hán có sự kiện gì liên quan đến lịch sử Việt Nam?* (Nhà Hán đô hộ nước ta, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa).  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận**  - HS xây dựng được trục thời gian từ Hán đến Tuỳ.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **3. Trung Quốc từ thời nhà Hán đến thời nhà Tuỳ (206 TCN - thế kỉ VII).**  - Sự thay đổi các triều đại cai trị ở Trung Quốc từ Hán đến Tuỳ (206 TCN - thế kỉ VII). Trong thời gian này, Trung Quốc trải qua nhiều lần bị phân tán, chia cắt, nhưng cuối cùng được thống nhất lại dưới thời nhà Tuỳ.  Trải qua các triều đại từ Hán đến Tuỳ, lãnh thổ Trung Quốc tiếp tục được mở rộng. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS quan sát hình và khai thác thông tin trong SGK để kể một số thành tựu văn minh tiêu biểu của người Trung Quốc cổ đại. GV có thể phát Phiếu học tập (dạng bảng) cho HS điền vào.  - Sau đó, GV có thể mở rộng để rèn luyện kĩ năng trình bày, thuyết trình cho HS: *Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của người Trung Quốc cổ đại? Tại sao?* HS có thề nói về những thành tựu trong SGK nhưng cũng có thể nói ngoài SGK, miễn là nêu được lí do lựa chọn. GV cẩn khuyến khích, động viên.  - GV tổ chức cho HS đọc những thông tin ở phần *Kết nối với ngày nay* và trả lời câu hỏi: *Theo em, các triều đại Trung Quốc xây dựng Vạn Lý Trường Thảnh để làm gì?* HS có thể thảo luận theo nhóm nhỏ hoặc cặp đôi. GV cho đại diện HS trả lời và các HS khác bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS báo cáo kết quả, một số HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **4. Một số thành tựu nổi bật của văn minh Trung Quốc từ thời cổ đại đến thê kỉ VII**  - Những thành tựu nổi bật trên nhiều lĩnh vực: chữ viết - văn học, tư tưởng, sử học, thiên văn học - lịch pháp, khoa học - kĩ thuật, kiến trúc - điêu khắc. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP *(4 phút//tiết)***  **Mục tiêu**: HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về Ấn Độ cổ đại. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.  *+ Câu 1.* Điều kiện tự nhiên của Trugn Quốc cổ đại đã tác động như thế nào đến sự hình thành nền văn minh của quốc gia này?  + Làm các bài trong vở bài tập.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu 1 và câu 2.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS. | *Câu 1.* Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện?   * Trung Quốc có hai con sông lớn, hình thành nên những đồng bằng rộng lớn, thuận lợi cho nông nghiệp phát triển. Do đó, nền văn minh cũng sớm hình thành. * Nhiều đổng cỏ rộng lớn là điều kiện để chăn nuôi phát triển. * Mực nước của các con sông lớn lên xuống thất thường nên nhu cầu phải liên kết nhau lại để trị thuỷ do đó sớm hình thành nhà nước. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG *(3 phút/tiết)***  **Mục tiêu**: Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành câu 2: *Trong các thành tựu văn minh Trung Quốc cổ đại, em ấn tượng nhất thành tựu nào? Vì sao?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày với giáo viên vào tiết học sau.  - Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dành ít phút đầu giờ buổi học sau để nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | - Giáp cốt văn: Giáp cốt văn phát hiện ở Ân Khư, được khắc trên mai rùa và xương thú là văn bản ghi lại việc bói toán và sự việc của hoàng thất và quý tộc cuối đời nhà Thương, là Di sản văn hoá kí ức lịch sử độc đáo của Trung Quốc, được đưa vào danh sách Kí ức Thế giới.  - Bốn phát minh kĩ thuật của người Trung Quốc cổ đại:  *La bàn* xuất hiện từ thời Chiến Quốc, gồm một nam châm thiên nhiên được mài giũa, đặt trên một địa bàn hình vuông. Lúc cân bằng, mũi kim sẽ chỉ vê' phương nam. La bàn bắt đấu truyền bá ra nước ngoài từ thời Tống, qua Ả Rập rồi tới châu Âu.  Người phát minh ra *nghề làm giấy* là hoạn quan Thái Luân. Ông dùng vỏ cây, sợi gai, vải rách,... để chế tạo ra giấy.  *Kĩ thuật in* bắt nguồn từ thói quen ki tên bằng triện của người Trung Quốc cổ đại. Người ta đã khắc những con chữ lên tấm gỗ giống như khắc những con dấu rói phủ một lớp mực mỏng lên bề mặt tấm gỗ, đặt tờ giấy lên, dùng gạt để gạt nhẹ lên tờ giấy.  *Thuốc súng* được phát minh ở Trung Quốc từ cách đây hơn 1 000 năm, bắt đầu từ thuật luyện đan. Thuốc súng lần đầu được dùng trong quân sự dưới thời Tống. Về sau, phát minh này được truyền qua Ân Độ, rồi sang Ả Rập, qua Tây Ban Nha, đến nhiều nước ở châu Âu. |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài:** *(1 phút/tiết)*

- Hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ giáo viên giao.

- Chuẩn bị bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại.

*Ngày soạn: 05/12/2024*

*Ngày giảng:09,13,16/12/2024*

**Tiết 19 + 20 + 21 – *Bài 10***

**HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU:**

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức:**

Giới thiệu và phân tích được những tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã.

Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.

Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**- *Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu lịch sử: Trình bày được điếu kiện tự nhiên của Trung Quốc, Trung Quốc dưới các triều đại Tần, Hán.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu và giải thích tại sao nhà Tần lại thống nhất được Trung Quốc.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nhận thức được giá trị của văn minh Trung Quốc.

**3. Phẩm chất:** Trân trọng những di sản của nền văn minh Hy Lạp và La Mã để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, Phiếu học tập dành cho HS.

Lược đó Hy Lạp thời cổ đại, Lược đổ Hy Lạp hiện nay, Lược đồ đế quốc La Mã thế kì II (phóng to).

Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.

- Tranh, ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *(1 phút/tiết)*

**2. Kiểm tra:** *(3 phút/tiết)*

- Tiết 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của người Trung Quốc.

- Tiết 2: Trình bày những nét chính về tổ chức nhà nước thành bang ?

- Tiết 3: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của người Hy Lạp và La MÃ cổ đại?

**3. Bài mới:** *(35 phút/tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(2 phút/tiết)*** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV có thể sử dụng hình ảnh đền thờ Pác-tê-nông trong phần mở đầu bài để khởi động, kích thích HS: *Em đã từng nhìn thấy công trình này chưa? Theo em, công trình kiến trúc này nằm ồ quốc gia nào??* Sau khi HS trả lời (có thể đúng, có thể sai), trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài mới như trong SGK.   - **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Ngôi đền đứng sừng sững trên thành cổ Ác-rô-pô-lit ở A-ten (Hy Lạp) được coi là biểu tượng của nền dân chủ A-ten và cái nôi của nền văn minh phương Tầy. Công trình này cũng được đánh giá là một trong những toà nhà tốt nhất mọi thời đại, do nhà điêu khắc nổi tiếng nhất thời cổ đại - Phi-đi-at thiết kế và nhiều kiến trúc sư giỏi khác trực tiếp giám sát quá trình thi công. Vì sao ngôi đền này được coi là biểu tượng của nền dân chủ A-ten và của văn minh phương Tầy cổ đại? Theo em, điều gì khiến cho nền văn minh cổ đại này được đánh giá cao như vậy? Văn minh Hy Lạp và La Mã thời cổ đại có điểm gì nổi bật và đã góp vào văn minh nhân loại những thành tựu gì? Đó là những nội dung trong bài học Hy Lạp và La Mã cổ đại. | HS suy nghĩ, trả lời |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI *(26 phút/tiết)***  **Mục tiêu**:  - HS nắm được điều kiện tự nhiên, sự ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên.  - HS nắm được nhà nước thành bang và nền dân chủ cổ đại ở Hy Lạp.  - HS nắm được quá trình phát triển và suy tàn của đế chế La Mã; tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã  - HS nêu được một số di sản tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã và tự tin trình bày được trước lớp. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**   * GV yêu cầu HS quan sát, chỉ ra trên lược đố giới hạn lãnh thổ của Hy Lạp cổ đại và so sánh với lãnh thổ Hy Lạp hiện nay.   HS biết được lãnh thổ Hy Lạp cổ đại lớn hơn ngày nay rất nhiều.   * GV yêu cầu HS quan sát lược đồ và khai thác thông tin trong SGK để nêu ra những điểm nổi bật về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Hy Lạp thời cổ đại và thảo luận để phần tích tác động của những điều kiện đó đến sự phát triển kinh tế và hình thành nến văn minh Hy Lạp.   HS hiểu và trả lời được như ở mục a - Nội dung chính.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo  **Bước 4. Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | 1. Điều kiện tự nhiên.  **a. Hy Lạp cổ đại.**  Phạm vi lãnh thổ Hy Lạp cổ đại rộng lớn hơn ngày nay, gổm vùng nam bán đảo Ban-căng, các đảo trên biển Ê-giê và các dải đất ven bờ Tiểu Á.  + Địa hình bị chia cắt thành vùng đống bằng nhỏ hẹp bởi các dãy núi thấp chạy dài ra biển, đất đai canh tác ít, không màu mỡ nên không thuận lợi cho nông nghiệp trồng lương thực.  + Đường bờ biển gồ ghề, có nhiều vũng, vịnh thích hợp cho việc lập những hải cảng buôn bán (xuất nhập khẩu hàng hoá và nô lệ).  + Nhiều khoáng sản nên thủ công nghiệp, luyện kim rất phát triển.  **b. La mã cổ đại.**  + Nhà nước La Mã cổ đại được hình thành trên bán đảo I-ta-li-a (ở Nam Âu) sau được mở rộng ra trên phần lãnh thổ của cả ba châu lục Âu, Á, Phi.  + Đường bờ biển phía nam có nhiều vịnh, hải cảng.  + Ở thời kì đế quốc, đất đai được mở rộng, có nhiều đồng bằng và đống cỏ rộng lớn nên trồng trọt và chăn nuôi có điều kiện phát triển.  + Có nhiều khoáng sản nên nghề luyện kim phát triển. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV có thể dẫn dắt: Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ VI TCN, ở Hy Lạp đã hình thành hàng trăm nhà nước thành bang (hay thị quốc). Đó là những thành thị có phố xá, lâu đài, đền thờ, sân vận động, nhà hát và quan trọng nhất là bến cảng. Từ đó, đặt câu hỏi cho HS: *Vì sao ở Hy Lạp lại hình thành nhiều nhà nước thành bang?*   HS phải phân tích được tác động của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế, xã hội.   * GV nêu yêu cầu cho HS: *Trình bày những nét chính vê tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp.*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 5 và trình bày sơ đồ tổ chức Nhà nước thành bang A-ten theo ý hiểu của mình. GV chốt lại kiến thức  - GV có thể mở rộng kiến thức cho HS (mô tả vế đền đài, thành quách và lấy A-ten làm ví dụ minh hoạ).  Bước 3:   * Từ đó, GV cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Những ưu điểm của tổ chức thành bang là gì?* Để HS trả lời được câu hỏi trên, GV gợi ý cho HS trả lời những câu hỏi: *Nền dân chủ A-ten được biểu hiện thế nào? Tại sao nói A-ten là điển hình mẫu mực của nền dân chủ trong thế giới cổ đại?* *Yêu cầu cần đạt:* HS hiểu và vận dụng được kiến thức trong cả bài học để trả lời được ưu điểm đó chính là những ý đã phân tích cho câu hỏi *Tại sao nói A-ten là điển hình mẫu mực trong nền dân chủ cổ đại.*   Bước 4:   * GV có thể mở rộng để rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận xét cho HS bằng cách đặt câu hỏi: *Theo em, hạn chế của nền dân chủ ở A-ten cổ đại là gì?* HS thảo luận và đại diện nhóm trả lời.   HS hiểu và vận dụng được kiến thức trong cả bài học để trả lời được hạn chế là nền dân chủ này chỉ dành cho một bộ phận dân cư và dựa trên cơ sở là sự bóc lột nô lệ - lực lượng đông đảo trong xã hội. | **2. Nhà nước thành bang và nền dân chủ cổ đại ở Hy Lạp.**   * Khái niệm “nhà nước thành bang”: là những nhà nước nhỏ, có một thành thị là trung tâm, xung quanh là vùng đất trổng trọt. Trong mỗi thành bang có phố xá, lâu đài, đến thờ, sân vận động, nhà hát, bến cảng. Mỗi thành bang có bộ máy quyến lực riêng, luật pháp riêng và tài chính riêng. * Những biểu hiện của nền dân chủ cổ đại ỏ’ Hy Lạp:   + Cơ quan quyền lực tối cao: Đại hội nhân dân (gồm toàn bộ công dân nam từ 18 tuổi trở lên; có quyển thảo luận và biểu quyết tất cả những vấn đề hệ trọng của đất nước).  + Chế độ bỏ phiếu bằng vỏ sò. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV cho HS đọc thông tin trong SGK và quan sát *Sơ đồ tổ chức Nhà nước đế chế ở* La Mã để trình bày tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.   HS trình bày được tổ chức nhà nước theo cách hiểu của mình, nhưng đảm bảo được nội dung chính: Quyển lực tập trung vào trong tay hoàng đế. Viện Nguyên lão vẫn được duy trì, nhưng chỉ mang tính hình thức. Cơ quan Đại hội nhân dân không còn quyến biểu quyết những vấn đề hệ trọng của đẩt nước như trước đây nữa.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * GV có thể mở rộng cho HS hiểu như thế nào về nhà nước đế chế hoặc gợi ý trước khái niệm rồi mới đặt câu hỏi cho HS: *Nhà nước thành bang Hy Lạp và nhà nước đê'chế La Mã có điểm gì khác nhau? Ở* phần này, GV có thể cho HS phân tích sự khác nhau của hai tổ chức nhà nước thông qua *Sơ đồ tổ chức Nhà nước thành bangAten* và *Sơ đồ tổ chức Nhà nước đế chế ở La Mã.*   HS hiểu và nêu được điểm khác biệt giữa hai mô hình nhà nước này.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận**  - HS nêu được điểm khác nhau nhà nước thành bang Hy Lạp và nhà nước đê'chế La Mã.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **3. Nhà nước đế chế La Mã cổ đại.**  - Từ một thành bang nhỏ bé ở miền trung bán đảo l-ta-ly, La Mã đã dẩn mở rộng lãnh thổ và trở thành một đế chế rộng lớn.  - Từ năm 27 TCN, dưới thời của ốc-ta-vi-út (Octavius), La Mã chuyển sang hình thức nhà nước đế chế. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * Cho HS khai thác hình và nội dung thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu: *Kể một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại.*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * Có thể cho một số HS trình bày trước lớp. Sau đó, GV nên giới thiệu và phân tích kĩ một số thành tựu để HS hiểu rõ giá trị lớn lao mà nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại để lại cho nhân loại,   + Về chữ viết: Trên cơ sở học tập chữ viết của người phương Đông, người Hy Lạp và La Mã đã sáng tạo ra chữ cái La-tinh, trở thành chữ viết của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay.  + Về khoa học: Người Hy Lạp đã khái quát thành những định lí, định đề đặt nền móng cho sự ra đời của các khoa học sau này. GV cũng có thề mở rộng, kể thêm về một sổ nhà bác học như Pi-ta-go, Ta-lét, Ác-si-mét, Hê-rô-đốt,...  + Về' lịch: Ở đây, GV chỉ cần định hướng cho HS hiểu được người Hy Lạp và La Mã biết rút kinh nghiệm, nâng cao hiểu biết, làm lịch chính xác hơn gọi là dương lịch.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV có thể đặt câu hỏi để rèn luyện thêm kĩ năng nhận xét, trình bày cho HS: *Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?* HS có thể trả lời và giải thích lí do theo cách hiểu của mình. GV cần khuyến khích, động viên HS.  HS nêu được một số di sản tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã và tự tin trình bày được trước lớp.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **4. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã**  - Dựa trên sự tiến bộ và trình độ phát triển cao về kinh tế công thương nghiệp và thể chế dân chủ, cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại đã đểlại rất nhiều di sản có giá trị cho nhân loại trên nhiều lĩnh vực: chữ viết, văn học, khoa học tự nhiên, lịch, luật pháp, kiến trúc và điêu khắc,... |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP *(4 phút//tiết)***  **Mục tiêu**: HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về **Hy Lạp và La Mã cổ đại.** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1.  *+ Câu 1.*  Sưu tầm thêm thông tin từ sách, báo, internet về quá trình hình thành của một quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á mà em thích và chia sẻ với bạn.  + Làm các bài trong vở bài tập.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu 1 và câu 2.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS. | *Câu 1.* Sưu tầm thêm thông tin từ sách, báo, internet về quá trình hình thành của một quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á mà em thích và chia sẻ với bạn. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG *(3 phút/tiết)***  **Mục tiêu**: Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành câu 3:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày với giáo viên vào tiết học sau.  - Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dành ít phút đầu giờ buổi học sau để nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | - Bảng chữ số La Mã: Số La Mã hay chữ số La Mã là hệ thống chữ số cổ đại do người La Mã sáng tạo. Hệ thống này dựa trên một số ló tự La-tinh nhất định. Chữ số La Mã được sử dụng cho đến khi đế chế La Mã suy tàn và cho đến thế kỉ XIV thì nó đã không còn được sử dụng rộng rãi mà được thay thế bởi hệ chữ số Ả Rập tiện dụng hơn (được tạo thành bởi các số từ 0 đến 9). Tuy nhiên, hiện nay, chữ số La Mã vẫn còn được sử dụng trong việc đánh số trên mặt đổng hổ, để gắn vị trí hợp âm trong âm nhạc, các sự kiện lớn và đánh dấu thứ tự những người lãnh đạo chính trị. |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài:** ***(1 phút)***

- Hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ giáo viên giao.

- Chuẩn bị bài 11: CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á.

*Ngày soạn: 16/12/2024*

*Ngày giảng:20,23/12/2024*

**Tiết 22 + 23 – Bài 11**

CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**- *Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu lịch sử: Trình bày được điếu kiện tự nhiên của Trung Quốc, Trung Quốc dưới các triều đại Tần, Hán.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu và giải thích tại sao nhà Tần lại thống nhất được Trung Quốc.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nhận thức được giá trị của văn minh Trung Quốc.

**2. Phẩm chất:** Yêu đất nước, tự hào về khu vực Đông Nam Á; có ý thức xây dựng Cộng đồng Đông Nam Á đoàn kết và cùng phát triển.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, Phiếu học tập dành cho HS.

- Lược đồ Các quốc gia sơ kì và phong kiến ở Đông Nam Á treo tường hoặc dùng file trình chiếu.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.

- Tranh, ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *(1 phút/tiết)*

**2. Kiểm tra:** *(3 phút/tiết)*

- Tiết 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của người Hy Lạp và La Mã cổ đại?

- Tiết 2: Trình bày quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.

**3. Bài mới:** *(40 phút/tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(5 phút/tiết)*** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV cho HS quan sát lược đồ hình 1 SGK. Sau đó giới thiệu về ĐNÁ.   - **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Được coi là “ngã tư đường” của thế giới, Đông Nam Á có vị trí chiến lược quan trọng. Vị trí này đã mang lại những thuận lợi gì cho việc hình thành các quốc gia đầu tiên? Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á được hình thành trên cơ sở nào? Quá trình đó diễn ra như thế nào? | HS suy nghĩ, trả lời |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI *(28 phút/tiết)***  **Mục tiêu**:  - HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. HS nhận biết được đặc điểm nổi bật về địa hình của Đông Nam Á.  - HS rút ra được quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**   * GV yêu cẩu HS quan sát lược đồ hình 1 (tr.52), kết hợp khai thác thông tin trong SGK để mô tả vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.   **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo  **Bước 4. Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.   * GV có thể mở rộng kiến thức bằng việc yêu cầu HS xác định trên lược đó hình 1 tên những con sông lớn ở Đông Nam Á lục địa. Sau đó, GV có thể chia lớp thành hai nhóm: một nhóm phân tích vẽ những thuận lợi, một nhóm phân tích những khó khăn mà những con sông này mang đến cho cuộc sống của cư dân Đông Nam Á.   HS có kiến thức nến tảng để tìm hiểu những nội dung kiến thức sau. HS nêu được tên những con sông lớn ở Đông Nam Á lục địa như: I-ra-oa-đi, Mê Công, Chao Phray-a, sông Hống. HS hiểu được: Những con sông này mang lại thuận lợi, khó khăn gì. | 1. **Cái nôi của nền văn minh lúa nước**  - Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á: nằm trên con đường hàng hải nối liền giữa An Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với An Độ, Tây Á và Địa Trung Hải.   * Địa hình bị chia cắt thành Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa khác biệt nhau.   Yếu tố gió mùa, lượng mưa lớn mang lại những thuận lợi cho việc trồng cây lúa nước và nhiều cầy trồng khác. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV có thể tổ chức HS làm việc theo cặp đôi, thảo luận và chỉ trên lược đổ một số quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.   HS kể được một số quốc gia sơ kì trong khu vực: Văn Lang - Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam (thuộc Việt Nam), các vương quốc ở hạ lưu sông Chao Phray-a (thuộc Thái Lan) và các đảo thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * GV có thể mở rộng cho HS: *Em có nhận xét gì về phạm vi hình thành của các quốc gia sơ kĩ ở Đông Nam Á.*   + HS quan sát lược đồ và rút ra nhận xét.  Bước 3:   * Từ đó, GV cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Những ưu điểm của tổ chức thành bang là gì?* Để HS trả lời được câu hỏi trên, GV gợi ý cho HS trả lời những câu hỏi: *Nền dân chủ A-ten được biểu hiện thế nào? Tại sao nói A-ten là điển hình mẫu mực của nền dân chủ trong thế giới cổ đại?* *Yêu cầu cần đạt:* HS hiểu và vận dụng được kiến thức trong cả bài học để trả lời được ưu điểm đó chính là những ý đã phân tích cho câu hỏi *Tại sao nói A-ten là điển hình mẫu mực trong nền dân chủ cổ đại.*   Bước 4:  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. -GV có thể mở rộng cho HS về trình độ phát triển kinh tế, chính trị của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á. | **2. Quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á**   * Sự hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ khoảng thế kỉ VIITCN đến thế kỉ VII:   + Cơ sở hình thành: Trước hết, đó là sự phát triển kinh tế, kĩ thuật của các tộc người ở Đông Nam Á vào những thế kỉ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên, đặc biệt là nghề nông trồng lúa nước và kĩ thuật luyện kim càng ngày càng tiến bộ. Mặt khác, sự giao lưu kinh tế, văn hoá với Ấn Độ, Trung Quốc cũng là nền tảng quan trọng đưa đến sự ra đời các quốc gia sơ kì Đông Nam Á.   * Người Đông Nam Á đã học tập cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, chữ viết, tôn giáo, hệ tư tưởng,... từ Ấn Độ, Trung Quốc, thông qua việc giao lưu, buôn bán hàng hoá.   + Một số quốc gia sơ kì trong khu vực: Văn Lang - Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam (thuộc Việt Nam), các vương quốc ở hạ lưu sông Chao Phray-a (thuộc Thái Lan) và các đảo thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay.  Nét nổi bật về kinh tế: nông nghiệp trồng lúa nước, cây gia vị, buôn bán đường biển rất phát đạt, xuất hiện nhiều thương cảng quốc tế như Óc Eo, Ta-cô-la,... |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP *(4 phút/tiết)***  Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.  *+ Câu 1.*  Tác động của việc giao lưu thương mại đối với sự ra đời của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á như thế nào?  + Làm các bài trong vở bài tập.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu 1 và câu 2.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS. | ***Câu 1.*  Tác động của việc giao lưu thương mại đối với sự ra đời của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á như thế nào?**  Thông qua giao lưu thương mại, kích thích nền kinh tế các vương quốc Đông Nam Á sơ lờ phát triển nhanh hơn, mạnh hơn.  Đồng thời, qua đó, tăng cường tiếp xúc, giao lưu văn hoá với các nến văn hoá lớn, học tập chữ viết, cách tổ chức nhà nước, kĩ thuật, nghệ thuật, tư tưởng,... |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG *(3 phút/tiết)***  **Mục tiêu**: Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành câu 3:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày với giáo viên vào tiết học sau.  - Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dành ít phút đầu giờ buổi học sau để nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | Câu 3. Sưu tầm những câu thành ngữ, tục ngữ của người Việt liên quan đến lúa, gạo.  - Chuột sa chĩnh gạo.  - Gạo đổ bốc, chẳng đầy thưng.  - Cơm hẩm cà thiu.  - Cơm, hàng cháo chợ.  - Cơm không ăn gạo còn đó.  - Cơm lạnh, canh nguội.  - Cơm sôi, cả lửa thì khê.  Việc làm hay hỏng là lề thế gian. |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài:** *(1 phút/tiết)*

- Hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ giáo viên giao.

- Chuẩn bị bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỷ VII đến thế kỉ X.

*Ngày soạn: 22/12/2024*

*Ngày giảng: 27/12/2024*

**Tiết 24 – *Bài 12***

**SỰ HÌNH THÀNH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN Ở ĐÔNG NAM Á TỪ THẾ KỶ VII ĐẾN THẾ KỈ X**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**- *Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu lịch sử: Trình bày được điếu kiện tự nhiên của Trung Quốc, Trung Quốc dưới các triều đại Tần, Hán.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu và giải thích tại sao nhà Tần lại thống nhất được Trung Quốc.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nhận thức được giá trị của văn minh Trung Quốc.

**2. Phẩm chất:** Tự hào về Đông Nam Á từ xa xưa đã là điểm kết nối quan trọng trên tuyến đường thương mại giữa phương Đông và phương Tây, đây là nẽn tảng để Đông Nam Á phát huy những lợi thế sẵn có, hoà nhập vào thương mại Thái Bình Dương sôi động bậc nhất thế giới hiện nay.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

* Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
* Lược đồ Các quốc gia sơ lờ và phong kiến ở Đông Nam Á treo tường hoặc file trình chiếu.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.

- Tranh, ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *(1 phút/tiết)*

**2. Kiểm tra:** *(3 phút/tiết)*

Trình bày quá trình hình thành các quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á?

**3. Bài mới:** *(40 phút/tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(3 phút/tiết)*** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV có thể sử dụng Hình 1. *Một số sản phẩm gia vị chủ yếu ở Đông Nam Á* (tr.55, SGK), yêu cấu HS nhận biết tên của các loại gia vị trong hình.  - **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- Bước 3**: **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Từ đó, GV dẫn dắt: Không chỉ là quê hương của cây lúa nước, Đông Nam Á còn có rất nhiều cây hương liệu và gia vị quý. Do đó, với lợi thế về vị trí địa lí, các thương cảng Đông Nam Á đã trở thành những trung tâm buôn bán gia vị khá sôi động, nơi gặp gỡ giao lưu của thương nhân từ nhiều nơi trên thế giới. Dựa trên nền tảng những quốc gia sơ kì, các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á đã được hình thành ra sao và sự phát triển kinh tế, sự hoàn thiện về bộ máy chính trị của các vương quốc đó thể hiện thế nào? Đó là những nội dung chính của bài học này. | HS suy nghĩ, trả lời |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI *(28 phút/tiết)***  **Mục tiêu**:  - HS nhận biết được Quá trình hình thành các vương quốc phong kiến.  - HS nắm được hoạtđộngkinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thê kỉ X. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**   * GV yêu cẩu HS quan sát lược đồ hình 1 (tr.52), kết hợp khai thác thông tin trong SGK để mô tả vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.   **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo  **Bước 4. Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.   * GV có thể mở rộng kiến thức bằng việc yêu cầu HS xác định trên lược đó hình 1 tên những con sông lớn ở Đông Nam Á lục địa. Sau đó, GV có thể chia lớp thành hai nhóm: một nhóm phân tích vẽ những thuận lợi, một nhóm phân tích những khó khăn mà những con sông này mang đến cho cuộc sống của cư dân Đông Nam Á.   HS có kiến thức nến tảng để tìm hiểu những nội dung kiến thức sau. HS nêu được tên những con sông lớn ở Đông Nam Á lục địa như: I-ra-oa-đi, Mê Công, Chao Phray-a, sông Hống. HS hiểu được: Những con sông này mang lại thuận lợi, khó khăn gì. | **1. Sự hình thành các vương quốc phong kiến**.   * Quá trình hình thành các vương quốc phong kiến:   + Thời gian: Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.  + Quá trình: Trên cơ sở những quốc gia sơ kì với nhiều bộ tộc cùng sinh sống, dần dẩn đã hình thành những quốc gia lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt. Bộ máy nhà nước của các vương quốc phong kiến dần được tổ chức quy củ hơn, quyền lực của nhà vua được tăng cường, quân đội, luật pháp ngày càng hoàn thiện. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV có thể phát Phiếu học tập yêu cầu HS viết ra những từ/cụm từ trong đoạn tư liệu nói về sự phát triển kinh tế của các vương quốc Đông Nam Á (đó là: *đế quốc, đông dân cư, dầu thơm, cây thuốc, không một ông vua nào có được, long não, trầm hương, đinh hương, sa nhân,...).*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * Sau đó GV đặt câu hỏi: *Từ tư liệu đó, cho biết thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn bởi những sản vật nào của Sri Vi-giay-a?*   + HS trả lời được: *dầu thơm, cây thuốc, long não, trầm hương, đinh hương sa nhân,...*  Bước 3:  + Sau đó, GV có thể mở rộng giới thiệu cho HS về Vương quốc Sri Vi-giay-a (thông qua mục *Em có biết).*  HS đọc hiểu được ý chính của đoạn tư liệu là giới thiệu sự giàu có, phong phú về sản vật của nhiều nước Đông Nam Á thông qua ghi chép của thương nhân nước ngoài.  Bước 4:   * GV hỏi HS: *Thông qua đoạn tư liệu và SGK, hãy trình bày hoạt động kinh tê'chính của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.*   *Yu cẩu cần đạt:* HS nêu được trong những thế kỉ từ VII đến X, các vương quốc phong kiến đạt được sự phát triển kinh tế khá mạnh mẽ trên các lĩnh vực chủ yếu như nông nghiệp (chủ yếu nằm ở lục địa (Chăm-pa, Chân Lạp), ở lưu vực sông Chao Phray-a, I-ra-oa-đi và thương mại biển (Sri Vi-giay-a, Ka-lin-ga, Ma-ta-ram). Nhiều quốc gia có những thương cảng trở thành điểm kết nối quan trọng trên tuyến đường buôn bán quốc tế Á-Âu. | **2. Hoạt động kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thê kỉ X.**   * Nền kinh tế các vương quốc phong kiến Đông Nam Á tiếp tục phát triển:   + Nông nghiệp vẫn là nến tảng chủ yếu.  + Thương mại biển thịnh đạt hơn, tạo nền tảng cho sự kết nối buôn bán châu Á và châu Âu, mà sau này gọi là Con đường gia vị. Nhiều vương quốc phong kiến trở thành những đế quốc hàng hải như Phù Nam, Sri Vi-giay-a,... |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP *(5 phút/tiết)***  Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỷ VII đến thế kỉ X. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.  *+ Câu 1. Ơ các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã phát huy những lợi thế nào để phát triển kinh tế?*  *Câu 2. Hoạt động giao lưu thương mại đã tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế các quốc gia phong kiến Đông Nam Á?*  + Làm các bài trong vở bài tập.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu 1 và câu 2.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS. | ***Câu 1. Ơ các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã phát huy những lợi thế nào để phát triển kinh tế?***   * Vị trí địa lí thuận lợi: nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, nối các quốc gia phương Đông với Địa Trung Hải. * Điểu kiện tự nhiên thuận lợi: Mạng lưới sông ngòi dày đặc, đất đai tương đối màu mỡ, khí hậu gió mùa, nhiều sản vật phong phú.   ***Câu 2. Hoạt động giao lưu thương mại đã tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế các quốc gia phong kiến Đông Nam Á?***   * Các quốc gia Đông Nam Á trở thành những điểm dừng chân lí tưởng cho các tuyến buôn bán đường biển kết nối Á - Âu. * Thúc đẩy sự phát triển của các vương quốc trong khu vực, xuất hiện một số thương cảng sầm uất như Đại Chiêm, Pa-lem-bang. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG *(4 phút/tiết)***  **Mục tiêu**: Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành câu 3:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày với giáo viên vào tiết học sau.  - Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dành ít phút đầu giờ buổi học sau để nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | Câu 3. Thông qua phép tính đơn giản, so sánh liên hệ với giá cả một số loại gia vị mà em biết hiện nay (gừng, nghệ tây,...), HS sẽ thấy được giá cả của các loại gia vị vào khoảng thế kỉ X đắt đỏ như thế nào. |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài:** *(1 phút/tiết)*

- Hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ giáo viên giao.

- Chuẩn bị bài 13: Giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đẩu công nguyên đến thê kỉ X.